TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HIỆP HÒA** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2021/DS-ST.
Ngày: 16/8/2021
V/v Tranh chấp kiện đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Hương Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Miện

Ông Bùi Thế Hanh

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên toà: Ông Ngô Đức Nghiêm– Kiểm sát viên.

Trong ngày 16/8/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số:196/2020/TLST- DS ngày 04/11/2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2021/QĐXXST-DS ngày 04/5/2021 của tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Ngô Văn N, sinh năm 1964 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn Vân Xuyên, xã Hoàng Vân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

Bị đơn: Chị Trần Thị O, sinh năm 1970 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn Vạn Thạch, xã Hoàng Vân, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Tạ Văn C , sinh năm 1971 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Vạn Thạch, xã Hoàng Vân, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

2. Chị Tạ Thị T, sinh năm 1965

Nơi cứ trú: Thôn Vân Xuyên, xã Hoàng Vân, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

(Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Ngô Văn N trình bày: Do là chỗ quen biết nên ngày 05/9/2015 âm lịch (tức ngày 16/10/2015 dương lịch) vợ chồng anh có cho chị Trần Thị O (vợ của anh Tạ Văn C, sinh năm 1971 trú tại: Thôn Vạn Thạch, xã Hoàng Vân, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang trước là phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Hoàng Vân) vay số tiền 450.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng, lãi suất hai bên thỏa thuận là lại

suất ngân hàng 1 để chị O lo việc gia đình. Khi vay, các bên có ký nhận hợp đồng vay tiền chị O đã ký nhận vào Hợp đồng vay tiền và nhận tiền của vợ chồng anh đầy đủ. Đến thời hạn trả nợ chị O không thực hiện anh đã nhiều lần đến nhà đòi nợ thì chị O và anh C liên tục khất nợ không trả cho anh. Đến ngày 28/9/2020, anh C đã trực tiếp trả cho anh được 100 triệu đồng còn 350 triệu đồng thì vợ chồng chị O không trả nữa. Nay anh làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị O và anh Chức phải trả cho anh số tiền 350 triệu đồng cùng lãi suất ngân hàng đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa ngày 16/8/2021, anh N xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của mình và anh chỉ yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng anh C và chị O phải trả cho anh số tiền gốc là 100 triệu đồng mà không buộc vợ chồng anh Chức và chị O phải trả tiền lãi cho anh.

Bị đơn là chị Trần Thị O trình bày: Chị xác định chị có vay của anh N số tiền nợ gốc 450.000.000 đồng và từ khi vay đến ngày anh N khởi kiện chị mới trả cho anh N được 150 triệu đồng và còn nợ lại anh N 300 triệu đồng. Trong quá trình làm việc và hòa giải tại Tòa án chị xác nhận chồng chị là anh C có xác nhận là nợ chung của vợ chồng và cũng có thống nhất trả nợ cho anh N. Tuy nhiên, do công việc làm ăn không thuận lợi nên không thanh toán cho anh N được. Tuy nhiên, do là chỗ quen biết nên anh N cũng đã tạo điều kiện và đồng ý rút một phần yêu cầu khởi kiện là chỉ buộc vợ chồng chị phải trả cho anh N số tiền là 100 triệu đồng và không tính lãi vợ chồng chị nữa chị nhất trí và không có ý kiến gì.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Anh Tạ Văn C tại các biên bản làm việc cũng như hòa giải tại Tòa án thì anh C xác nhận vợ anh có vay tiền của anh N và anh là người đã trả cho anh N 100 triệu đồng là đúng. Nay anh N khởi kiện vợ chồng phải có trách nhiệm trả nợ cho anh N anh cũng nhất trí. Tuy nhiên, do kinh tế có khó khăn anh đề nghị anh N tại điều kiện cho vợ chồng anh được trả dần.

- Chị Tạ Thị T là vợ của anh N trong các biên bản làm việc có trình bày: số tiền anh N cho vợ chồng chị O vay là tiền của vợ chồng chị, do vợ chồng chị O không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ nên anh N làm đơn khởi kiện vợ chồng chị O, chị cũng nhất trí và buộc vợ chồng chị O phải trả tiền cho vợ chồng chị. Do chị có nhiều công việc bận nên chị xin được xét xử vắng mặt và nhất trí với các quyết định của anh N.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa phát biểu ý kiến việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Áp dụng các Áp dụng các Điều: khoản 2 Điều 357; 463; 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình;

Điều 147; Điều 227; 228; Điều 271; Điều 273; của Bộ luật tố tụng dân sự ; Điều 12 Nghị quyết số 326/NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Ngô Văn N.

Buộc chị Trần Thị O và anh Tạ Văn C phải trả cho anh Ngô Văn N và chị Tạ Thị T sô tiền còn nợ là 100.000.000 đồng.

Về án phí: Chị Trần Thị O và anh Tạ Văn C phải liên đới chịu toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh N và chị T không phải chịu án phí DSST hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho anh N.

Tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của anh Ngô Văn N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Tại phiên tòa anh Ngô Văn N tự nguyện rút một phần yêu cầu về số tiền gốc và không yêu cầu tính lãi cho vợ chồng chị O và anh C. Chị O có mặt tại phiên tòa đã nhất trí với yêu cầu của anh N. HĐXX xét thấy, việc rút yêu cầu của anh N không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa là có căn cứ.

[2]. Anh N yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng chị O và anh C phải có trách nhiệm trả nợ cho anh số tiền 100 triệu đồng, chị O nhất trí với số tiền mà chị phải trả nợ của anh N. Tại phiên tòa, anh C vắng mặt nhưng trong quá trình xác minh cùng với việc thừa nhận của anh C trong các biên bản làm việc tại Tòa án trước đây. HĐXX xét thấy, có đủ căn cứ để buộc anh C phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cùng chị O cho anh N và chị T số tiền 100 triệu đồng và không phải trả lãi cho vợ chồng anh N, chị T là có căn cứ.

[3]. Về án phí: Chị O và anh C phải có trách nhiệm liên đới chịu tiền án phí DSST, anh N và chị T không phải chịu án phí DSST và cần hoàn trả tiền tạm ứng anh N đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa là có căn cứ.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều: khoản 2 Điều 357; 463; 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình.

Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273; của Bộ luật tố tụng dân sự ; Điều 25 Nghị quyết số 326/NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Ngô Văn N.

Buộc vợ chồng chị Trần Thị O và anh Tạ Văn C phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán trả cho anh Ngô Văn N và chị Tạ Thị T số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Chị Trần Thị O và anh Tạ Văn C phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 5.000.000đ(Năm triệu đồng)

Hoàn trả bà anh Ngô Văn N số tiền 8.750.000đồng(Tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí số AA/2017/0000417 ngày 04/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt Bản án.

Nơi nhận:
-TAND T. Bắc Giang;
-VKSND H. Hiệp Hòa (2 b);
-Chi cục THADS H. Hiệp Hòa;
-Đương sự;
-Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Hoàng Thị Hương Lan